TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 01 năm 2021
V/v Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Phùng Thị Kim Nguyên
- Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Khổng Minh Thanh
  2. Ông Phan Duy Hưng
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Đào - cán bộ Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.
- Đại diện Viện kiểm sát huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Đinh Tiến Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2020/ TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 về việc: "Hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 và Thông báo mở phiên tòa số 116/2020/TB - TA ngày 24/12 /2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Đức N**, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Khu 2, xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Bị đơn: **Chị Phạm Thị H**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Khu 2, xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2020 và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn anh Nguyễn Đức N trình bày:

Anh và chị Phạm Thị H kết hôn ngày 22/02/2002 tại UBND xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng ở riêng tại khu 2, xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, đến

năm 2015 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Chị H tự ý bỏ đi làm ăn thỉnh thoảng mới về nhà xong lại đi, không quan tâm đến chồng con. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 30/4/2015 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay Anh N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể hàn gắn nên anh xin được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh N xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức Ngọ, sinh ngày 06/10/2002. Từ nhỏ cháu Ngọ vẫn ở với anh, nay cháu Ngọ đã đủ tuổi thành niên, có công ăn việc làm nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh N xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Phía bị đơn chị Phạm Thị H: Hiện chị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 2, xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án. Tại Biên bản xác minh thể hiện chị H có hộ khẩu thường trú tại khu 2, xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Tòa án không thể lấy lời khai của chị H cũng như người thân chị H được vì chị H quê gốc ở xã Dậu Dương (nay là xã Dân Quyền), huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Bố đẻ chị H đã chết trước khi chị H kết hôn với Anh N, còn mẹ đẻ chị H hiện tại đang sống cùng con trai trong miền Nam, hiện nay gia đình chị H không có ai sống ở xã Dân Quyền, và xã Hương Nộn huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

3. Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Hương Nộn ngày 25/11/2020 và Biên bản xác minh ngày 23/12/2020 đều khẳng định: Anh N và chị H có đăng ký kết hôn ngày 22/02/2002, tại UBND xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Anh chị có hộ khẩu thường trú tại Khu 2, xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Theo địa phương được biết cuộc sống vợ chồng Anh N và chị H hòa thuận hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi và và đánh nhau, vợ chồng Anh N chị H sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Chị H đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về địa phương nhưng do vợ chồng anh chị mâu thuẫn trầm trọng nên chị H chỉ về chớp nhoáng rồi lại đi. Hiện nay chị H đi làm ở đâu thì địa phương không nắm được. Nay Anh N xin ly hôn chị H, địa phương thấy anh chị có mâu thuẫn và đã sống ly thân nhiều năm, rất khó hàn gắn. Nên quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết cho Anh N được ly hôn chị H. Tòa án có gửi các giấy báo và các văn bản tố tụng cho chị H, địa phương đều đã nhận đượcnhưng do chị H và gia đình chị H không có ai ở địa phương nên không thể giao các văn bản tố tụng cho chị H được. Do chị H vắng mặt nên Tòa án không thể

tiến hành lấy lời khai của chị H và cũng không tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật được.

Về con chung: Anh N và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức Ngọ, sinh ngày 06/10/2002. Từ nhỏ cháu Ngọ vẫn ở với Anh N, nay cháu Ngọ đã đủ tuổi thành niên, có công ăn việc làm nên địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/12/2020, Tòa án nhân dân huyện Tam Nông đã mở phiên tòa xét xử nhưng chị H vắng mặt không có lý do. Phiên tòa hôm nay, chị H tiếp tục vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được xét xử theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng cũng như việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ của người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử: Cho anh Nguyễn Đức N được ly hôn chị Phạm Thị H.

Về con chung: Cháu Ngọ đã đủ tuổi thành niên, có công ăn việc làm nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, công nợ, cho vay: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa Nguyễn Đức N và chị Phạm Thị H. Bị đơn chị Phạm Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 2, xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1

Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị H là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức N và chị Phạm Thị H kết hôn ngày 22/02/2002 tại UBND xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng ở riêng tại khu 2, xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ trên đất và nhà mượn của bố, mẹ Anh N. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2015 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Chị H tự ý bỏ đi làm ăn thỉnh thoảng mới về nhà xong lại đi, không quan tâm đến chồng con. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 30/4/2015 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay Anh N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể hàn gắn nên anh xin được ly hôn chị H .

Tòa án đã báo gọi nhiều lần, nhưng không thể lấy lời khai của chị H cũng như người thân chị H được vì chị H quê gốc ở xã Dậu Dương (nay là xã Dân Quyền), huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Bố đẻ chị H đã chết trước khi chị H kết hôn với Anh N, còn mẹ đẻ chị H hiện tại đang sống cùng con trai trong miền Nam, hiện nay gia đình chị H không có ai sống ở xã Dân Quyền, và xã Hương Nộn huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 25/11/2020 và ngày 23/12/2020 Tòa án nhân dân huyện Tam Nông đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân: Của Anh N và chị H được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Anh N và chị H có đăng ký kết hôn ngày 22/02/2002, tại UBND xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Anh chị có hộ khẩu th-ường trú tại Khu 2, xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Theo địa phương được biết cuộc sống vợ chồng Anh N và chị H hòa thuận hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi và và đánh nhau, vợ chồng Anh N chị H sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Chị H đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về địa phương nhưng do vợ chồng anh chị mâu thuẫn trầm trọng nên chị H chỉ về chớp nhoáng rồi lại đi. Hiện nay chị H đi làm ở đâu thì địa phương không nắm được. Nay Anh N xin ly hôn chị H, địa phương thấy anh chị có mâu thuẫn và đã sống ly thân nhiều năm, rất khó hàn gắn. Nên quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết cho Anh N được ly hôn chị H. Tòa án có gửi các giấy báo và các văn bản tố tụng cho chị H, địa phương đều đã nhận được nhưng do chị H và gia đình chị H không có ai ở địa phương nên không thể giao các

văn bản tố tụng của tòa án cho chị H được. Do chị H vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của chị H và cũng không tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật được.

Vì vậy, cần xử cho Anh Nguyễn Đức N được ly hôn chị Phạm Thị H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Xét thấy anh Nguyễn Đức N và chị Phạm Thị H có 01 con chung là: cháu Nguyễn Đức Ngọ, sinh ngày 06/10/2002. Hiện nay cháu Ngọ đã đủ tuổi thành niên, có công ăn việc làm nên không đề nghị Tòa án giải quyết là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức N phải chịu theo quy định pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp và có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51,khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức N được ly hôn chị Phạm Thị H.

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Đức Ngọ, sinh ngày 06/10/2002; đã thành niên, có công ăn việc làm nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận Anh N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0002670 ngày 14/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- UBND xã Hương Nộn, huyện Tam Nông;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Kim Nguyên

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.... giờ.....phút, ngày tháng năm 2020.
Tại phòng nghị án Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Phùng Thị Kim Nguyên
Các hội thẩm nhân dân : 1, Ông Nguyễn Chí Thanh
2, Ông Trần Hữu Thọ
Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số /2019/ TLST - HNGĐ ngày tháng năm về việc: "Hôn nhân và gia đình" giữa:
Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu Mai - sinh năm 1984;
Địa chỉ: Thôn An Hòa, xã Tản Lĩnh, huyện Ba vì, TP. Hà Nội. (có mặt)
***Bị đơn*:** Anh Trần Văn Kiên - sinh năm 1982;
Địa chỉ: Khu 2, xã Lam Sơn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt)
Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

I. Về điều luật áp dụng:
Căn cứ khoản 1 Điều 51,khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.
+ Kết quả biểu quyết: 3/3

II. Về nội dung:
Xử:
1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Lê Thị Thu Mai được ly hôn anh Trần Văn Kiên.
2. Về con chung: giao 02 con chung là cháu Trần Chiến Thắng, sinh ngày 08/6/2007 và cháu Trần Thị Thu Trang, sinh ngày 20/6/2009 cho chị Lê Thị Thu Mai trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, và giáo dục đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh Kiên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị

Mai vì chị Mai tự nguyện không yêu cầu. Anh Kiên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Biểu quyết: 3/3=100%

***4, Về án phí ly hôn sơ thẩm* :** Chị Lê Thị Thu Mai phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Mai đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0002590 ngày 14/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Biểu quyết: 3/3=100%

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày tháng năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Phùng Thị Kim Nguyên

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND huyện
- Chi cục THADS huyện
- Các đương sự
- UBND xã Tứ Mỹ.
- Lưu HS - VP

Đinh Thị Thu Huyền

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đinh Thị Thu Huyền